

# LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA



## Chương 1: KIẾN-ĐỘ TẠP

### Phẩm 1: THẾ ĐỆ NHẤT, Phần 4

Trong hai mươi thứ thân kiến này, có bao nhiêu thứ là ngã kiến, bao nhiêu thứ là ngã sở kiến, cho đến nói rộng?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Trong kinh, Đức Thế tôn qua nhiều chỗ đã nói về hai mươi thứ thân kiến nhưng không phân biệt rộng, chỉ Tôn giả Xá-lợi-phất có phân biệt một chỗ trong kinh. Mặc dù Tôn giả có phân biệt, nhưng không nói là hai mươi thứ thân kiến này, có bao nhiêu thứ là ngã kiến, bao nhiêu thứ là ngã sở kiến?

Vì các kinh kia không phân biệt, nay vì muốn phân biệt nên soạn luận này.

Lại nữa, Tỳ-bà Xà-bà-đề nói rằng: Thân kiến không có sở duyên, như thân kiến duyên ngã, trong nghĩa thật không có ngã! Sở duyên của ngã kiến là gì? Như người thấy sợi dây cho là con rắn, thoáng thấy gốc cây trụ cho là người.

Vì muốn ngăn ý nghĩ như thế của người kia, cũng muốn nói lên thân kiến có sở duyên, thân kiến duyên năm ấm, chỉ là việc được thấy có khác, chứ chẳng phải không có sở duyên. Như thí dụ người kia thấy sợi dây cho là rắn, xa trông gốc cây trụ cho là người. Ở đây, những việc được thấy có khác chứ chẳng phải không có sở duyên. Cho nên, vì nhằm ngăn ý của người khác, muốn biểu thị rõ nghĩa của mình, đồng thời cũng muốn chỉ bày pháp tướng quyết định nên soạn luận này.

Hỏi: Trong hai mươi thứ thân kiến ấy, có bao nhiêu thứ là ngã kiến, bao nhiêu thứ là ngã sở kiến?

Đáp: Năm thứ là ngã kiến, mười lăm thứ là ngã sở kiến.

Hỏi: Nếu ngã kiến có năm, ngã sở kiến lẽ ra cũng có năm, sao lại

nói là mười lăm ngã sở kiến?

Đáp: Vì duyên theo hành nên nói năm ngã kiến. Vì nêu đủ nên nói mười lăm ngã sở kiến. Vì sao? Vì mười lăm ngã sở kiến này, do đủ nên sinh. Nên nói một ngã kiến, đó là ngã kiến trong năm kiến lẽ ra nói có hai, như ngã kiến Ngã sở kiến lẽ ra nói là ba, tức ngã kiến nơi cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc. Nên nói là có sáu, như trong cõi Dục có ngã kiến và ngã sở kiến. Cõi Sắc, Vô sắc cũng thế. Nên nói có chín, như ngã kiến của địa cõi Dục, cho đến ngã kiến của địa Phi tưởng Phi phi tưởng. Nên nói có mười tám, như ngã kiến, ngã sở kiến của địa cõi Dục, cho đến ngã kiến, ngã sở kiến của địa Phi tưởng Phi phi tưởng. Nếu như phân biệt hành duyên ấm, thì lẽ ra nói hai mươi, không phân biệt nơi sanh khởi. Thấy sắc là ngã, sắc khác với ngã, sắc thuộc về ngã, ngã ở trong sắc. Như sắc có bốn thứ thì thọ, tưởng, hành thức cũng giống như thế.

Như vậy, năm lần bốn thì có hai mươi. Dùng hành duyên phân biệt mười hai nhập, tức có bốn mươi tám, không phân biệt chỗ sanh khởi. Như thấy nhãn nhập là ngã, nhãn nhập khác ngã, nhãn nhập thuộc về ngã, ngã ở trong nhãn nhập. Như nhãn nhập có bốn, cho đến pháp nhập cũng có bốn, như thế, mười hai lần bốn có bốn mươi tám. Dùng hành duyên phân biệt giới thì có bảy mươi hai, không phân biệt nơi sanh khởi. Như nhãn giới là ngã, nhãn giới khác với ngã, nhãn giới thuộc về ngã, ngã ở trong nhãn giới. Như nhãn giới có bốn, cho đến pháp giới cũng có bốn, như thế mười tám lần bốn tức có bảy mươi hai. Nếu phân biệt duyên ấm, phân biệt chỗ sanh khởi thì có sáu mươi lăm. Như nói sắc là ngã, thọ là chuỗi ngọc của ngã, thọ là tôi tớ của ngã, thọ là đồ đựng của ngã. Như thọ có ba thì tưởng, hành, thức cũng có ba. Cũng thế, bốn lần ba có mười hai, cùng với sắc là mười ba. Cũng thế, năm lần mười ba có sáu mươi lăm. Nếu phân biệt duyên nhập, phân biệt chỗ sanh khởi thì có bốn trăm lẻ tám. Nhãn nhập là ngã, sắc nhập là chuỗi ngọc của ngã, là tôi tớ của ngã, là đồ đựng của ngã. Như nhãn nhập có ba mươi bốn, cho đến pháp nhập cũng có ba mươi bốn, mười hai lần ba bốn là bốn trăm lẻ tám. Nếu phân biệt duyên giới, phân biệt chỗ sanh khởi thì sẽ có chín trăm ba mươi sáu. Nhãn giới là ngã, sắc giới là chuỗi ngọc của ngã, là tôi tớ của ngã, là đồ đựng của ngã. Như nhãn giới có năm mươi hai, cho đến pháp giới cũng có năm mươi hai, mười tám lần năm mươi hai là có chín trăm ba mươi sáu.

Các thứ thân như thế, các sát-na nối tiếp nhau, thì có vô lượng ngã kiến, ngã sở kiến. Xứ ấy phân biệt hành duyên ấm, không phân biệt chỗ sanh khởi thì có hai mươi.

Hỏi: Vì sao thân kiến này được nói là chủng loại?

Đáp: Vì hai mươi thứ thân kiến này đều có sự khác nhau, nên nói là chủng loại.

Hỏi: Vì sao nhân nơi ấm nói hai mươi ngã kiến, chẳng phải nhân nơi giới, nhập?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì người soạn kinh có ý nghĩ như thế, muốn như thế có thể thuận theo như thế. Ý của người soạn kinh kia không trái với pháp tướng.

Lại có người nói: Vì hiện khởi ban đầu nên phương tiện đầu tiên là nhập pháp. Như nhân nơi ấm nói kiến, nhân nơi giới, nhập, cũng nên nói như thế, mà không nói thì phải biết nghĩa này là lời chưa trọn vẹn.

Lại có người nói: Ấm này nói là kiến, nghĩa là chính kinh Phật đã nói, kinh Phật đã nhân ấm nói hai mươi thứ ngã kiến. Người soạn kinh kia cũng dựa vào kinh Phật để soạn luận nói hai mươi thứ ngã kiến.

Hỏi: Gác qua việc của người soạn kinh. Vì sao Đức Thế tôn nhân nơi ấm nói hai mươi thứ ngã kiến?

Đáp: Vì hóa độ chúng sinh, nên Đức Phật nhân nơi ấm nói hai mươi thứ ngã kiến. Nếu người được hóa độ, lẽ ra nghe giới, nhập mà được độ, thì Đức Thế tôn cũng sẽ nhân nơi giới, nhập, nói về ngã kiến, nhưng vì chúng sinh không chịu nghe, nên Phật không nói.

Lại có người nói: Lúc các kiến sinh khởi, đa số đều dựa vào ấm, ít nương giới, nhập. Cho nên, Đức Thế tôn nhân ấm nói kiến, không nhân giới, nhập.

Sắc là ngã. Thế nào là các sở hữu của sắc? Sắc đều là bốn đại, sở tạo của bốn đại, nhất định các sở hữu, có hai thứ: Các sở hữu có tận và các sở hữu bất tận. Nói bất tận, như cầu một chút vật như trấu cám v.v... cũng gọi là các sở hữu.

Nói tận, như cầu tất cả vật và trấu cám v.v... cũng là các sở hữu, trong đây chỉ nói tận là các sắc sở hữu.

Hỏi: Như ngã kiến là duyên theo giới của chính mình, chẳng phải duyên theo giới của người, sao người lại có thể thấy tất cả sắc là ngã?

Đáp: Vì các sắc là đối tượng hoạt động của người kia, là cảnh giới của họ, họ chấp đó là ngã, chứ chẳng phải tất cả sắc. Sắc khác với ngã. Thế nào là sắc khác với ngã? Đối với bốn ấm đó, xoay vần chấp là khác với ngã. Người kia nghĩ rằng: Sắc này là ngã. Ví như người có của cải, gọi là có của cải. Sắc lệ thuộc ngã: Thế nào là sắc lệ thuộc ngã? Đối với bốn ấm này lần lượt chấp là lệ thuộc ngã. Ví như người có tôi tớ, nói tôi tớ lệ thuộc nơi ngã

Ngã ở trong sắc. Ngã ở trong sắc là sao? Đối với bốn ấm này xoay vần chấp là ngã trong sắc. Người kia nghĩ rằng: Sắc là đồ đựng ngã, như dầu ở trong cây gai, chất béo trong sự đọng lại, như bơ ở trong lạc, như con dao ở trong bao da, con rắn ở trong cái tráp nhỏ, như máu ở trong thân...

Hỏi: Như thọ là ngã, sắc là vật dụng có thể như thế. Vì sắc thô, thọ tế. Như nói sắc là ngã, thọ là vật dụng, làm sao thấy sắc thô vào trong thọ tế được?

Tôn giả Ba-xa nói: Không nên trách người mù ngã xuống hầm hố! Cũng không nên hỏi tại sao vô minh là ngu

Lại có người nói: Người kia thấy sắc là ngã, thọ là vật dụng, nghĩa là người kia thấy thọ thô, sắc tế, vì cho nên thấy sắc trụ trong thọ.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Trong thân bốn đại này đều có thể biết về xúc, có chỗ sở xúc, có thể sinh thọ. Vì thọ sinh ở mọi nơi, nên nói sắc ở trong thọ.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Người kia thấy thọ ở khắp trong thân, từ chân đến đầu, không có chỗ nào không có thọ, nhưng chấp sắc là ngã thì không khắp thân, cho nên người kia thấy sắc trụ trong thọ.

Hỏi: Vì sao nói ngã kiến có hai mươi thứ? Các kiến khác lại không nói?

Đáp: Hoặc có người nói: Vì đó là ý của người tạo kinh muốn thế, cho đến nói rộng.

Lại có người nói: Đây là mới khởi phương tiện đầu tiên, mới nhập pháp ở hiện tại. Như nói: Thân kiến có hai mươi thứ, giới thủ lẽ ra có bốn mươi thứ. Tà kiến, kiến thủ, mỗi thứ lẽ ra có tám mươi thứ, nên nói mà không nói, nghĩa này chưa nói hết là lời chưa trọn vẹn.

Lại có người nói: Vì đối trị ngã kiến, nên Phật nói mười thứ Không, mười thứ Không là: Nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, đệ nhất nghĩa không, vô sở hành không, vô thủy không, tánh không và không không.

Hỏi: Mười thứ không này đối lại với pháp nào?

Đáp: Đối lại với ngã kiến, vì không đối với ngã kiến nên có hai mươi thứ ngã kiến, các kiến khác thì không như vậy, cho nên không nói.

Hỏi: Có khi nào đối với một ấm khởi ngã kiến, ngã sở kiến hay không?

Đáp: Khởi, như nhãn nhập khởi ngã kiến, các sắc khác thì khởi ngã sở kiến, bốn ấm còn lại cũng giống như thế.

Hỏi: Có khi nào vừa có ngã kiến, cùng lúc đối với năm ấm đều chấp ngã hay không? Nếu có, làm sao hiểu sách Sóc-ca nói: Chỉ có một ngã kiến, không có năm ngã kiến.

Không có năm ngã kiến, nghĩa là không chấp năm ấm là ngã. Vì sao? Vì chấp ngã kiến chỉ chấp một pháp, còn năm ấm là pháp khác. Người chấp ngã kiến nói một ngã, một nhân, không phân, không hoại, không biến đổi là thường.

Nếu không thì làm sao hiểu kinh Tát-già Ni-Kiền-Tử nói: Samôn Cù-đàm! Sắc là ngã, thọ, tưởng, hành, thức là ngã?

Đáp: Không có cùng lúc chấp năm ấm là ngã.

Hỏi: Nếu vậy kinh Tát-già -Ni-Kiền-Tử làm sao hiểu?

Đáp: Vì người kia tâm tự đại, rất nặng nên nói như thế.

Lại có người nói: Người kia không tin Phật, bên trong có tri kiến, muốn thử Như lai. Người kia vì không biết nên đã nói lời không thuận lý. Kế là thấy Như lai có các tướng được luận bàn: Hàm như hàm sư tử, răng kết bén, nhọn, miệng có bốn mươi chiếc răng, phát ra tiếng Phạm âm. Người kia nghe nói vậy, ôm lòng kinh sợ, nên lời không thuận lý.

Lại có người nói: Người kia nhận thấy oai đức của Như lai vượt hơn Phạm Vương, Đế-thích, khó gần khó thân, đối với bậc có oai đức như cho nên người kia nói lời không thuận lý.

Lại có người nói: Vì oai lực bức bách của thiên thần đã khiến cho người kia nói lời không thuận lý.

Lại có thiên thần tin Phật, nghĩ rằng: Người xấu ác kia vì sao đã gây buồn phiền cho Như lai? Nên đã dùng oai lực bức bách, khiến cho người kia nói lời không thuận lý.

Lại có người nói: Hoặc có cùng lúc, chấp năm ấm là ngã.

Hỏi: Nếu vậy thì lời của sách Sóc-ca, nói làm sao hiểu?

Đáp: Người kia dốc sức tạo ra một nhóm tướng gồm đủ năm ấm này.

Hỏi: Nếu vậy thì lấy gì làm đủ?

Đáp: Nếu chấp nội nhập là ngã, thì sẽ lấy ngoại nhập làm đủ, nếu chấp ngoại nhập là ngã thì sẽ dùng nội nhập làm đủ.

Hỏi: có kiến vi trần chấp là ngã hay không? Nếu có, thì là không có ngã kiến, chẳng phải ngã kiến. Nếu không có thì sách Sóc-ca làm sao hiểu? Như nói: Năm đại vi trần dù mỗi đại đều là tướng khác, là ngã, là thường. Nếu nói vô thường thì vô lý.

Hỏi: Sách kia giải thích ngã kiến, kiến vi trần thế nào?

Đáp: Sách này nói biên kiến duyên vi trần, nghĩa ấy đã lập.

Hỏi: Phải biết ngã kiến duyên vi trần, nghĩa ấy cũng lập chãng?

Đáp: Không có kiến Vi trần chấp là ngã.

Hỏi: Nếu vậy thì sách Sóc-ca làm sao hiểu?

Đáp: Lời Sách này nói không thuận với chánh lý.

Lại có người nói: Có kiến vi trần, chấp cho là ngã, có người suy lý, thấy nghĩa không thật nên thấy nghĩa lúc sinh.

**Lời bình:** Không nên nói lời như thế, nói trước là tốt.

Hỏi: Ngoài năm ấm, có người khởi ngã kiến hay không? Nếu có thì làm sao hiểu kinh này nói? Như nói: Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn khởi lên ngã kiến, đều chấp năm thọ ấm. Nếu không thì nói ngã kiến thứ sáu làm sao có?

Đáp: Không có trường hợp khởi ngã kiến ngoài năm ấm.

Hỏi: Nếu vậy thì ngã kiến thứ sáu làm sao có?

Đáp: Tư là hành ấm đối với tư khởi ngã kiến, hành ấm khác khởi ngã sở kiến, tức là ngã kiến thứ sáu. Kinh Phật nói thân kiến là căn bản của sáu mươi hai kiến. Kinh khác lại nói: Nếu có Sa-môn Bà-la-môn khởi lên các kiến, thì đều dựa vào hai biên: Hoặc dứt, hoặc thường.

Hỏi: Hai kinh này có gì khác nhau?

Đáp: Vì có thể sinh ra các kiến, nên nói thân kiến là căn bản. Vì các kiến được bảo vệ, nuôi lớn nên nói là biên kiến.

Lại có người nói: Có thể sinh các kiến, là nói thân kiến là căn bản, khiến cho các kiến chuyển hành, đó là nói biên kiến.

Lại có kinh nói: Nếu nhập định “Địa Nhất thiết xứ” người tu hành nghĩ rằng: Địa tức là ngã, ngã tức là địa, không lìa, không khác. Tất cả xứ còn lại cũng giống như thế.

Hỏi: Những người được định Nhất thiết xứ, tất đều lìa dục của đệ Tam thiên. Nếu người kia chấp địa là ngã, phải biết thân kiến của địa thiên thứ tư, chấp địa trong đệ Tứ thiên là ngã, pháp của định Nhất thiết xứ duyên cõi Dục. Sao người kia không trái?

Đáp: Trong đây không nhất định nói định, như chẳng phải Sa-môn nói là Sa-môn.

Lại có người nói: Vì vốn đã có tên như vậy. Ví như vua đã mất ngôi, vẫn gọi là vua, hành giả vốn từng được định này, về sau, dù mất vẫn gọi là được định.

Lại có người nói: Vì hành giả ở định nhanh chóng, nên mất, nơi định kia khởi thân kiến cõi Dục, bỏ thân kiến lại được định ấy. Như Đề-bà-đạt-đa, nhanh chóng ở định, dùng sức thần túc, tự hóa thân mình thành hình dáng Thái tử, lên ôm vua A-xà-thế quay vòng đùa cợt, lại

hiện ra tướng mạo để cho vua A-xà-thế biết là Tôn giả Đê-bà-đạt-đa. Ngay khi làm hình dáng thái tử, vua A-xà-thế ôm lấy đũa cột rồi nhỏ nước dãi vào miệng Đê-bà-đạt-đa. Do tham lợi dưỡng nên Đê-bà-đạt-đa bèn nuốt nước dãi! Vì vậy nên Đức Thế tôn nói với Đê-bà-đạt-đa: Ông là thầy chết, ăn đàm dãi của người. Khi nuốt đàm dãi, Đê-bà-đạt-đa chẳng thể lia dục. Khi giả làm Thái tử, được vua A-xà-thế ôm lấy, đũa cột, bấy giờ là lia dục.

Lại có người nói: Thân kiến chấp địa trong đệ Tứ thiên là ngã, định Nhất thiết xứ cũng duyên địa trong đệ Tứ thiên.

Hỏi: Nếu vậy định Nhất thiết xứ không duyên cõi Dục hay sao?

Đáp: Định Nhất thiết xứ vừa duyên cõi Dục, vừa duyên địa trong đệ Tứ thiên.

Hỏi: Như chư thiên cõi Sắc, tất cả đều trắng, làm sao họ nhận thấy sự khác nhau giữa các màu: Xanh, vàng, đỏ v.v...

Đáp: Vì số chúng sinh đó, sắc của họ đều trắng, chẳng phải số chúng sinh có sắc xanh, vàng, đỏ v.v...

**Lời bình:** Không nên nói như thế. Vì sao? Vì nếu ngã kiến và định Nhất thiết xứ là pháp tương ưng, cộng hữu, thì lẽ ra có lỗi này! Thế nào là tất cả pháp tương ưng, cộng hữu? Duyên một chút cõi Dục, duyên một chút cõi Sắc, thân kiến và định Nhất thiết xứ, dù chẳng phải pháp tương ưng, cộng hữu, nhưng một người thì cũng có thể có hai tên. Vì chấp ngã, nên gọi là thân kiến, vì được định, nên gọi là người đắc định. Thân kiến duyên với địa trong đệ Tứ thiên, định Nhất thiết xứ duyên với cõi Dục không cùng lúc, cho nên, luận này đã khéo hiểu.

Vô thường chấp là thường, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Các tà kiến ấy đã tạo cho chúng sinh ở trong sinh tử những ràng buộc lớn, nhiều tai hại suy vi, nhiều sự che giấu lớn. Giống như thế gian ràng buộc, gây tai hại suy vi, che giấu con người. Nếu không thấy rõ tà kiến thì sẽ không thể tránh xa. Nếu lúc nào thấy rõ thì có thể tránh xa các tà kiến đó, cho đến nói rộng cũng giống như thế.

Ở đây, nên dùng hai việc để tìm kiếm tà kiến:

1. Dùng thể tánh.
2. Dùng đối trị.

Như Kiên-độ Trí, Kiên-độ Kiến, như luận tạng Ích Trí, trong đó cũng dùng hai việc để tìm kiếm tà kiến:

1. Thể tánh.
2. Đối trị.

Như trong luận tạng Ích Trí nói: Sa-môn Cù-đàm! Ông là huyễn hóa.

Đạo của Đức Thế tôn đã vượt qua huyễn hóa. Tà kiến này chệch bại đạo là thể tánh của huyễn, thấy đạo dứt là đối trị tà kiến đó.

Lại nói rằng: Đây là A-la-hán, vì sao ông lại tỏ ra keo kiệt đối với danh hiệu A-la-hán.

Đạo của Đức Thế tôn đã vượt qua sự keo kiệt, tà kiến này chệch bại đạo là thể tánh của sự keo kiệt đó. Thấy đạo dứt là đối trị với tà kiến ấy. Như Luận Kệ Vấn, như Kinh Phạm Võng nói: Nên dùng xứ dấy khởi để tìm kiếm tà kiến, đó tức có ba việc, đó gọi là xứ dấy khởi, thể tánh và đối trị.

Lại có người nói: Không nên tìm kiếm ba sự của tà kiến là xứ dấy khởi, thể tánh và đối trị. Nếu tìm kiếm tà kiến thì cũng như trách cứ vô minh: Vì sao ông ngu tối?

Lại có người nói: Nên dùng ba việc để tìm kiếm tà kiến, đó là xứ dấy khởi, thể tánh và đối trị. Nếu có thể dùng ba việc để tìm kiếm tà kiến, thì dù là phạm phu còn ràng buộc đầy đủ, nhưng những lỗi lầm của tà kiến không hiện ở trước, giống như bậc Thánh đã dùng đạo vô lậu dứt các tà kiến, không bao giờ khởi lại. Như Pháp sư Đà-bà, xưa ở Kế-tân, cùng với nhiều Tỳ-kheo tu hành, hội họp chung một chỗ, luận nói về các kiến: Có người nói rằng: Các Đại đức! bậc Thánh có thể dứt trừ nhiều lỗi lầm, mọi hành vi ác tà kiến không bao giờ hiện ra ở trước, thật là ít có!

Bấy giờ, Pháp sư Đà-bà ở trong hội này nói rằng: Bậc Thánh dùng đạo vô lậu dứt trừ các tà kiến, không bao giờ cho chúng hiện tiền, thì đâu có gì là chuyện lạ. Như hiện nay tôi đang ở địa phạm phu, dùng hai việc này để tìm kiếm tà kiến, nếu còn ở lâu trong sinh tử thì không có việc này.

Dù ở lâu trong sinh tử, nhưng lại không hiện tiền. Vì duyên này nên dùng ba việc để tìm kiếm tà kiến.

Vô thường, chấp hữu thường:

Hỏi: Thế nào là vô thường?

Đáp: Tất cả pháp hữu vi.

Hỏi: Các ngoại đạo kia, gọi việc gì là thường?

Đáp: Họ thấy sắc tướng tự nối tiếp nhau. Các tâm pháp, nhớ lại công việc xưa đã làm, có khả năng tụng trì Kinh, luận...

Thấy sắc tướng tự nối tiếp nhau là sao? Như sắc họ đã thấy ở ngày hôm qua, hôm nay tương tự. Người kia nghĩ rằng: Sắc thấy lúc nhỏ, tức



là sắc của thấy lúc già. Làm sao tâm pháp lại có thể nhớ những việc xưa kia mình đã làm. Như việc mình đã làm vừa qua, hôm nay cố nhớ lại.

Cũng thế, các việc mình đã làm trước đây, sau này đều nhớ. Như có thể trì tụng kinh, luận, là như lúc còn trẻ đã đọc tụng, đến lúc già vẫn có thể tụng thuộc lòng. Người kia nghĩ: Ngày nay, tâm tụng chính là tâm đã đọc tụng ở ngày hôm qua. Họ lấy cớ này để chấp là thường, đó là biên kiến. Biên kiến có hai thứ: Có dứt và có thường. Là nói thể tánh của biên kiến, do thấy khổ mà dứt, là đối trị của biên kiến đó. Vì kiến duyên khổ mà sinh, nên do thấy khổ mà dứt, ví như hạt sương đọng lại trên ngọn cỏ, sẽ tan ngay khi ánh nắng mặt trời rọi đến. Biên kiến kia cũng giống như thế: Nếu khi thấy khổ thì biên kiến nọ sẽ được dứt trừ ngay.

Lại có người nói: Khổ pháp nhãn, khổ pháp trí, là đối trị của biên kiến kia. Lúc khổ pháp nhãn, khổ pháp trí sinh, sẽ dứt trừ dứt kiến hiểm ác điên đảo, phân biệt luống dối này.

Hỏi: Như trong pháp nói về thiện, cũng nói các pháp có tự thể, tánh tướng, thường trụ mà không phải tà kiến. Tại sao trong pháp nói về ác, nếu nói tướng này, tức là tà kiến?

Đáp: Hoặc có người nói: Nói pháp thiện, dù nói có tự thể, tánh tướng, thường trụ, nhưng không có chỗ tạo tác. Còn nói pháp ác, thì bất cứ lúc nào cùng thường có sự tạo tác.

Lại có người nói: Trong pháp nói về thiện, nói pháp tánh không thường làm, trong pháp nói về ác, nói pháp tánh thì thường làm.

Lại có người nói: Trong pháp nói về thiện, nói về pháp tánh, là do sinh sinh ra, bị già làm cho già, bị vô thường làm hoại. Trong pháp nói về ác thì không do sinh sinh ra cho đến nói rộng.

Lại có người nói: Trong pháp nói về thiện, nói pháp tánh thuộc về các nhân duyên. Pháp đã nói kia không thuộc về nhân duyên.

Lại có người nói: Khéo nói pháp, pháp đã nói tương ứng với sinh diệt. Pháp nói về ác thì không như thế.

Lại có người nói: Trong pháp nói về thiện, nói pháp tức từ nhân sinh, có thể có chỗ tạo tác, thuộc về các duyên do các nhân duyên này, nên nói là nói pháp. Mặc dù nói thể tánh thường trú, nhưng không rơi vào tà kiến. Pháp nói về ác ấy là rơi vào tà kiến.

Hỏi: Biên kiến nghĩa là gì?

Đáp: Chấp ở bên đoạn, chấp ở bên thường, là nghĩa biên kiến. Như kinh nói: Phật bảo Tôn giả Ca-chiên-diên: Nếu dùng chánh trí quán thế gian là tập, nói đời Vô sở hữu, tức lại là chẳng hành. Vô sở

hữu tức là dứt kiến. Thấy đời này có diệt, thân vị lai sinh, bèn nghĩ rằng: Chúng sinh ấy chết ở đời này, sẽ sinh ở nơi khác, chẳng phải dứt. Lại nữa, này Ca-chiên-diên! Nếu dùng chánh trí quán thế gian là diệt, nói thế gian có sở hữu, tức lại là không hành. Nói thế gian có sở hữu, tức là thường kiến. Biết ấm, giới, các nhập này, xoay vần nối tiếp nhau, người kia nghĩ rằng: Các pháp này có sinh, có diệt, chẳng phải thường.

Lại nữa, người khởi ngã kiến vẫn là bên hẹp, thấp kém, bị thế gian quở trách, hưởng chi là đối với ngã chấp có dứt, thường?

Lại có người nói: Kiến này là xứ hành, biên, nên có hai thứ nghĩa, gọi là xứ hành biên:

1. Hành thường biên.
2. Hành dứt biên.

Do các nghĩa này nên gọi là biên kiến.

Hỏi: Nghĩa thật của thường là Niết-bàn Diệt tận. Vì sao vô thường chấp thường không gọi là tà kiến?

Đáp: Những lời nói Vô sở hữu, gọi là tà kiến. Ở đây không nói Vô sở hữu, lại tăng ích sở hữu, cho nên chẳng phải tà kiến.

Thường chấp vô thường:

Hỏi: Thế nào là thường?

Đáp: Niết-bàn Diệt tận.

Hỏi: Các ngoại đạo kia dựa vào đâu để nói Niết-bàn vô thường?

Đáp: Ngoại đạo kia lấy bốn định vô sắc làm Niết-bàn giải thoát:

1. Vô thân.
2. Ý vô biên.
3. Nhóm tịnh.
4. Tháp thế gian.

Không thân: Là định Không xứ. Ý vô biên là định Thức xứ. Tụ tịnh là định Vô sở hữu xứ. Tháp thế gian là định Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Ngoại đạo kia nói như thế: Như Niết-bàn này dù lâu nhưng sẽ trở lại. Phải biết, Niết-bàn họ Thích đã nói cũng sẽ trở lại. Vì cho nên nói Niết-bàn vô thường.

Thường kia chấp là vô thường: đó là tà kiến, là tự tánh của nó, do thấy diệt mà đoạn, là đối trị tà kiến đó. Vì đây là kiến chấp nhân diệt sinh ra, nên do thấy diệt mà đoạn, như sương đọng trên đầu ngọn cỏ, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì có tà kiến có thể quán là hành vô thường không? Nếu có, làm sao thông suốt nơi kinh Ba-già-la-na? Như nói: Thế nào là sử tà

kiến sai khiến?

Đáp: Mọi hủy báng không có nhân, không có tạo tác, đó gọi là sử tà kiến.

Hỏi: Vì sao trong đây không nói? Nếu không nói thì làm sao hiểu được nơi văn này? Như nói: Thường chấp vô thường, đây là tà kiến, do thấy diệt mà đoạn?

Đáp: Có tà kiến này: Thường chấp vô thường.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao Kinh Ba-già-la-na không nói?

Đáp: Vì kinh kia nói về hành tướng của tà kiến không tận, tự có hành tướng của các kiết, trong đó không nói hết.

Lại có người nói: Dù có kiến này, nhưng đều nhập trong thuyết đã nói kia. Như chê bai không có nhân, phải biết là chê bai tập. Như chê bai không có tạo tác, phải biết là chê bai đối với ba đế.

Lại có người nói: Nói chê bai không có nhân, là chê bai về ba đế, nói chê bai không có tạo tác, là chê bai về diệt đế.

Lại có người nói: Tà kiến về không, có, có thể chê bai thường nói là vô thường.

Hỏi: Nếu vậy thì văn này làm sao hiểu?

Đáp: Niết-bàn có tướng thường. Nếu nói không có Niết-bàn thì cũng là chê bai tướng thường. Như có người chê bai con người không có ngón tay, cũng là chê bai sắc, hương, vị, xúc, chỗ nương của ngón tay. Niết-bàn kia cũng giống như thế.

Lại có người nói: Ngoại đạo kia nói năm ấm là thường. Họ Thích nói: Niết-bàn là thường, chứ chẳng phải ấm. Người ngoại đạo kia nói như thế: Ngoại trừ ấm, lại không có thường. Vì nghĩa này, há chẳng phải hủy báng Niết-bàn chẳng?

Khổ tạo ra kiến chấp vui, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thế nào là khổ là?

Đáp: Năm thọ ấm là khổ thật.

Hỏi: Các ngoại đạo kia, vì sao nói khổ là vui?

Đáp: Vì có được ít lúc vui, nên nói là vui. Như người hết giờ làm việc, được nghỉ ngơi là vui. Lúc đang nóng nực, được gió mát cảm thấy vui. Khi đang lạnh, gặp ấm là vui. Trong lúc đang đói khát, được uống ăn là cảm thấy vui. Vì việc này nên nói ấm là niềm vui.

Như nói dùng pháp phẩm hạ làm tối thượng, gọi là kiến thủ, tự tánh của kiến thủ đó do thấy khổ mà dứt, là đối trị của kiến thủ.

Hỏi: Khổ có kiến chấp vui, gọi là kiến thủ. Vì sao vô thường thấy thường, không gọi là kiến thủ?

Đáp: Vô thường thấy thường kia, nghĩa là pháp vượt hơn, không vượt hơn, đều đồng một thể. Tự có pháp, dù nói thường, vẫn không vượt hơn. Như chấp hư không phi số duyên diệt. Khổ có kiến chấp là vui, dùng pháp phẩm hạ làm tối thượng, gọi là kiến thủ. Vô thường thấy thường không gọi là kiến thủ.

Lại có người nói: Vì trong ấm có khổ lớn, nên lấy khổ nhỏ làm niềm vui. Vì cho niềm vui nhỏ này đồng với Niết-bàn, nên gọi là kiến thủ.

Vô thường thấy thường: Trong ấm không có một chút thường đồng với thường. Vì sao? Vì trong khoảng một sát-na, lại không có dừng trụ, là pháp tán diệt. Như nói: Thế nào là pháp lúc diệt? Đáp: Pháp hiện tại. Vì việc này nên vô thường thấy thường, đó gọi là biên kiến, không gọi là kiến thủ.

Vui tạo ra kiến chấp khổ, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thế nào là nghĩa thật của vui?

Đáp: Vui, nghĩa là Niết-bàn Diệt tận.

Hỏi: Vì sao ngoại đạo kia cho Niết-bàn là khổ?

Đáp: Như con người khi hư hoại một căn, bèn cho là khổ. Người kia cảm nghĩ thế này: Nếu hư hoại một căn đã cho là khổ, huống chi là nhiều căn. Do việc này, nên cho pháp vui là khổ.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Nếu một căn tồn tại cũng là nhân khổ, huống chi là nhiều căn tồn tại sao không làm nhân của khổ. Nếu các căn diệt thì sẽ được giải thoát. Vui của Niết-bàn có kiến chấp khổ, đó gọi là tà kiến, là thể tánh của tà kiến, do thấy diệt mà đoạn, là đối trị với tà kiến kia. Kiến này dựa vào diệt sinh, trở lại do thấy diệt mà đoạn, như hạt sương đọng lại trên ngọn cỏ, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao kiến chấp Niết-bàn là khổ, gọi là tà kiến, chẳng phải thấy đạo đế? Như nói đạo đế cũng là niềm vui, vì có thể tiến đến an vui?

Đáp: Đạo có hai phần: Phần khổ, phần vui. Vì đạo có thể dẫn đến chốn an vui, nên gọi là phần vui. Vì vô thường nên khổ, gọi là phần khổ. Niết-bàn không có hai phần, chỉ thuần là vui. Người chê bai, tức là tà kiến. Đạo đế thì không như vậy.

Lại có người nói: Như nơi Kiền-độ Kiến đã nói: Có hai thứ vui:

1. Niềm vui của danh số.
2. Niềm vui của nghĩa thật.

Trên đã nói có thể tiến đến chốn an vui, đó gọi là niềm vui của danh số, chẳng phải niềm vui của nghĩa thật.

Lại nữa, vì niềm vui Niết-bàn, nên đạo được gọi là vui.

Hỏi: Vì có tà kiến có thể duyên theo Niết-bàn là khổ chăng? Nếu có thì làm sao hiểu Kinh Ba-già-la-na? Như nói: Thế nào là sử tà kiến sai khiến?

Đáp: Mọi thứ chê bai không có nhân, không có tạo tác, cho đến nói rộng. Nên như đã nói trong trường hợp thường chấp vô thường ở trên.

Bất tịnh chấp là tịnh:

Hỏi: Thế nào là bất tịnh?

Đáp: Tất cả pháp hữu lậu vì có hai việc, nên bất tịnh:

1. Do phiền não.
2. Do cảnh giới.

Các ngoại đạo kia, vì sao mà bất tịnh chấp là tịnh?

Đáp: Vì ngu tối đối với việc mình đã làm. Vì có một chút thời gian được tịnh, như cắt móng tay, đánh răng, chải tóc, xoa bóp thân, tắm gội v.v... Do những việc này, nên người kia cho là tịnh. Nếu trong pháp này có một chút tánh tịnh, thì lối chấp của ngoại đạo kia chẳng phải tà kiến. Vì tưởng điên đảo, nên đã chấp tiểu tiện, đại tiện, ruột, bao tử v.v... là tịnh, nên gọi là kiến thủ.

Lại nên dùng hai việc để nhận biết hành hữu lậu là pháp bất tịnh:

1. Từ phiền não sinh.
2. Từ dâm dục sinh.

Như nói: Dùng pháp phẩm hạ làm pháp tối cao, đấy gọi là kiến thủ, là tự tánh của kiến thủ, do thấy khổ mà dứt, là đối trị kiến thủ đó, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thấy nước tiểu, đại tiện, mũi dãi chảy ra trước mắt, sao ngoại đạo kia lại cho là tịnh?

Đáp: Ngoại đạo kia nói rằng: Chất chảy ra dù là bất tịnh, nhưng chỗ chảy ra là tịnh. Cũng như hoa của cây Khẩn-thủ-ca, màu sắc của nó trông giống hệt miếng thịt. Khi hoa nở rộ, loài dã can thấy bèn nghĩ thầm: Hôm nay ta nhất định sẽ được ăn thịt. Nó đứng chờ thật lâu bên cội cây, khi có hoa rụng xuống đất, nó vội chạy đến ngửi mới biết chẳng phải thịt. Nó lại nghĩ: Hoa rụng chẳng phải thịt, nhưng những đóa hoa khác còn ở trên cành cây, chắc chắn phải là thịt.

Các ngoại đạo kia cũng giống như thế. Các chất từ thân chảy ra, dù chẳng phải tịnh, nhưng chỗ chảy ra tất phải là tịnh.

Hỏi: Như trong pháp giảng nói thiện, cũng nói về hành thiện hữu

lậu là tịnh, mà chẳng phải tà kiến, còn thuyết của ngoại đạo kia là tà kiến?

Đáp: Có một chút tướng tịnh, bèn chấp là ít tịnh.

Hỏi: Những gì là tướng tịnh?

Đáp: Phiền não không xen lẫn, lại trái với phiền não, cho nên chẳng phải tà kiến. Trong pháp giảng nói ác kia, cho pháp bất tịnh đồng với nghĩa thật của pháp thanh tịnh, đó gọi là tà kiến.

Lại có người nói: Như trong pháp giảng nói thiện, vì cho hành thiện là tịnh, nên chẳng phải tà kiến. Ngoại đạo kia vì cho hành thiện, bất thiện, căn bất thiện, phiền não, tà kiến điên đảo là tịnh, nên gọi là tà kiến.

Hỏi: Như pháp hữu lậu, phiền não xen lẫn, nên biết là bất tịnh, sao lại nói là ba tịnh?

Đáp: Nghĩa như thật: Tất cả pháp hữu lậu đều là bất tịnh, vì giả danh nên nói tịnh. Giả danh là sao? Từ căn thiện không tham, không giận, không si sinh ra, cũng có thể đối trị pháp tham dục v.v..., nên gọi là giả danh.

Tịnh chấp bất tịnh, kiến chấp này có hai thứ, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thế nào là tịnh?

Đáp: Đạo và quả của đạo.

Hỏi: Các ngoại đạo kia, lấy việc gì để nói diệt, đạo là bất tịnh?

Đáp: Ngoại đạo kia nói như thế này: Như thật nghĩa nơi các phiền não là pháp bất tịnh, đạo có thể dứt trừ bất tịnh đó. Vì đạo có thể dứt trừ các phiền não, nên đạo cũng bất tịnh. Do Niết-bàn từ đạo bất tịnh sinh, nên cũng là bất tịnh. Giống như dùng dao để cắt vật bất tịnh, thì dao cũng là bất tịnh. Do dao bất tịnh lại cắt vật khác, nên có thể làm cho vật khác bất tịnh.

Lại như đem nước rửa vật bất tịnh, thì nước bất tịnh. Nếu dùng nước bất tịnh này lại rửa vật khác, dĩ nhiên vật khác cũng bất tịnh.

Cũng như thế, dùng đạo dứt các phiền não, tức là đạo bất tịnh. Nếu dùng đạo này để sinh vào Niết-bàn, thì Niết-bàn cũng là bất tịnh.

Nói đạo là bất tịnh, kiến chấp này gọi là tà kiến, là tự tánh của tà kiến đó, do thấy đạo dứt, là đối trị tà kiến ấy.

Nếu nói diệt là bất tịnh, thì kiến chấp này gọi là tà kiến, là tự tánh của tà kiến, do thấy diệt mà đoạn là đối trị tà kiến đó. Thấy đạo dứt tà kiến, duyên theo đạo sinh. Nếu lúc đạo trí đạo nhân sinh dứt thấy diệt, dứt tà kiến cũng giống như thế.

Vô ngã, chấp ngã, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thế nào là vô ngã?

Đáp: Tất cả pháp là vô ngã.

Hỏi: Các ngoại đạo kia đã lấy việc gì để chấp ngã?

Đáp: Vì ngu tối đối với pháp oai nghi đến đi, nên ngoại đạo kia đã nói lời thế này: Nếu không có ngã, thì ai đến, ai đi? Ai đứng, ai ngồi? Ai co vào, ai duỗi ra? Vì có ngã, nên mới có thể đến, đi, đứng, ngồi, co, duỗi. Hơn nữa, nếu không có ngã, thì sẽ không có những sự thấy, nghe, ngửi mùi hương, biết vị, cảm xúc xúc chạm và nhớ nghĩ. Vì những việc này, tất biết là có ngã.

Ngoại đạo kia không có ngã chấp có ngã, đấy gọi là thân kiến, là tự tánh của thân kiến do thấy khổ mà dứt, là đối trị thân kiến kia.

Kiến này duyên theo khổ sinh, cho đến nói rộng. Ngã có hai thứ:

1. Ngã giả danh.

2. Ngã chấp nhân.

Nếu chấp ngã giả danh, thì chẳng phải tà kiến. Nếu là ngã chấp nhân, thì đó là tà kiến.

Hỏi: Trong đây chỉ nói ngã kiến, vì sao không nói ngã sở kiến?

Đáp: Vì ngã kiến là tánh điên đảo, ngã sở kiến chẳng phải tánh điên đảo.

Lại có người nói: Ngã kiến là căn bản, nếu nói ngã kiến phải biết là cũng đã nói ngã sở kiến.

Lại có người nói: Do có ngã kiến, nên có ngã sở kiến. Nếu nói ngã kiến, phải biết là cũng đã nói ngã sở kiến. Kiến chấp của mình thì đối tượng được kiến chấp của mình cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao không nói ngã kiến là vô ngã mà gọi là tà kiến?

Đáp: Vì không có ngã.

Lại có người nói: Nếu ngã kiến không có ngã, tức là chánh kiến, không gọi là tà kiến.

Chẳng phải nhân chấp là nhân, cho đến nói rộng.

Hỏi: Ngoại đạo kia vì sao chẳng phải nhân mà chấp là nhân?

Đáp: Vì chấp lầm nhân. Ví như nhà nông gieo trồng vào mùa thu, sẽ thu hoạch lúa chắc hạt. Ngoại đạo kia nói rằng: Đấy đều là sự ban ân của trời Thi Lợi Dạ, trời Tư Đà Dạ, và trời Xá Ma Dạ. Nếu sinh con trai, con gái, ngoại đạo kia nói rằng: Đây đều là sự ban cho của trời Nan Đà, trời Nan Đà-bà La. Nếu là người giàu sang, sinh con trai, con gái, ngoại đạo kia nói rằng: Kết quả này đều là do trời Tỳ Nữ, trời Ma Hê Thủ La đã ban cho.

Ngoại đạo kia đã tạo ra kiến chấp sai lầm như thế đối với nhân,

chẳng phải nhân chấp là nhân. Đó gọi là giới thủ, là tự tánh của giới thủ, do thấy khổ mà dứt, là đối trị giới thủ đó. Giới thủ này, vì duyên với khổ sinh, nên lại do thấy khổ mà dứt bỏ.

Hỏi: Không có nhân chấp là nhân, cũng gọi là chê bai nhân, sao chẳng phải tà kiến?

Đáp: Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Nếu chê bai không có nhân thì gọi là tà kiến. Ngoại đạo kia không nói là không nhân, chỉ chẳng phải nhân mà chấp là nhân, nên chẳng phải tà kiến.

Có nhân chấp không nhân, cho đến nói rộng.

Hỏi: Các ngoại đạo kia, vì lấy việc gì để nói là không nhân?

Đáp: Vì thấy các vật trong ngoài hiện có, có đủ các thứ tướng, ngoại đạo kia mới nói rằng: Ai đào sông? Ai đắp núi? Ai đan thêu? Ai họa hình cầm thú? Nên nói kệ:

*Ai hay làm thêu dệt  
Họa hình các cầm thú?  
Đấy đều không nhân, tạo  
Đời không có tự tại!*

Có nhân, chấp không nhân, đó gọi là tà kiến, là tự tánh của tà kiến, do thấy tập dứt, là đối trị của tà kiến. Kiến này duyên với tập sinh, trở lại do thấy tập dứt, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao trong đây nói tà kiến chê bai nhân, do thấy tập dứt, còn trong Kiên-độ Kiến, nói tà kiến chê bai nhân, phải nói là do thấy tập, thấy đạo dứt?

Đáp: Hoặc có người nói: Đây là ý của người soạn kinh muốn thế, cho đến nói rộng.

Lại có người nói: Trong đây không nói nghĩa của tất cả nhân. Còn phần luận kia thì nói nghĩa của tất cả nhân.

Lại có người nói: Trong đây chỉ chê bai nhân sinh quả, còn trong phần luận kia nói chê bai cả nhân sinh ra quả và nhân không sinh ra quả.

Nếu nói Niết-bàn không có nhân, thì đấy há chẳng phải chánh kiến.

Lại có người nói: Trong đây, nói chê bai về nhân của khổ, còn trong phần luận kia nói chê bai nhân của khổ và nhân của không khổ.

Lại có người nói: Trong đây không có chê bai nghĩa nhân của đạo, cho nên không nói là tà kiến chê bai đạo, chỉ có chê bai nghĩa nhân của tập, vì cho nên nói là tà kiến chê bai tập.

Có, tạo kiến chấp không, cho đến nói rộng.



Hỏi: Thế nào là có?

Đáp: Là bốn đế.

Hỏi: Các ngoại đạo kia do việc gì mà nói không có đế?

Đáp: Vì có ngã kiến, nên nói không có đế. Ngoại đạo kia nói rằng: ngã không có khổ, tức là chê bai khổ. Ngã không có nhân, tức là chê bai tập. Nếu ngã không có diệt, tức là chê bai diệt, vì nếu không có diệt thì không có đối trị. Như trong pháp thiện, nói rằng: Ấm này là khổ, không ngã, sinh niềm tin. Tâm khổ nói là có khổ đế, khổ này có nhân, sinh niềm tin. Tâm tập nói có tập đế. Nếu khổ có diệt, sinh niềm tin. Tâm diệt nói có diệt đế. Nếu khổ có đối trị thì sinh niềm tin. Tâm đạo nói có đạo đế. Ngoại đạo kia tạo ra vô kiến thì đó gọi là tà kiến, là tự tánh của tà kiến kia, do thấy khổ tập diệt đạo dứt, là đối trị tà kiến kia. Kiến này duyên với bốn đế sinh, trở lại do kiến bốn đế dứt, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao tà kiến không duyên với hư không, phi số duyên diệt?

Đáp: Hoặc có người nói: Nếu pháp là ấm, là nhân của ấm, là diệt của ấm, là đối trị của ấm, thì tà kiến tức duyên theo hư không phi số duyên diệt. Vì chẳng phải nhân của ấm, diệt của ấm, đối trị ấm, cho nên tà kiến không duyên.

Lại có người nói: Nếu pháp là khổ, là nhân của khổ, là diệt của khổ, là đối trị của khổ, tức tà kiến duyên theo hư không phi số duyên diệt. Vì trái với trên, cho nên tà kiến không duyên.

Lại có người nói: Nếu pháp là phiền não, là xuất ly, tức tà kiến duyên theo hư không phi số duyên diệt, do trái với trên cho nên tà kiến không duyên.

Lại có người nói: Nếu pháp là sở duyên của chánh kiến vô lậu, cũng là sở duyên của tà kiến, thì tà kiến duyên theo hư không phi số duyên diệt. Vì không là sở duyên của chánh kiến, nên tà kiến không duyên. Như tà kiến - chánh kiến, sáng suốt - chẳng sáng suốt, trí - chẳng phải trí, quyết định - nghi ngờ, tin tưởng - chê bai, nên biết cũng giống như thế.

Hỏi: Nếu nói không hư không phi số duyên diệt, thì tâm này là sở duyên nào?

Đáp: Tức duyên theo danh hư không phi số duyên diệt. Vì sao? Vì ở đây không có tâm sâu nặng, như phiền não hủy báng pháp xuất ly.

Hỏi: Vì là trí nào?

Đáp: Đây là trí vô ký không ẩn mất, do tư duy dứt.

Có, tạo kiến chấp không. Về có, có ba thứ:

1. Có đối đãi nhau.
2. Có xứ sở.
3. Có thật.

Có đối đãi nhau, nghĩa là vì nhân có nên có, không, vì nhân không nên có, có.

Có xứ sở, nghĩa là chỗ này có, chỗ kia không có.

Có thật, nghĩa là: Đây là có thật, đây là không có thật. (Như khổ là có thật. Ngã là không có thật)

Lại có người nói: Về có, có hai thứ:

1. Có vật thể.
2. Có nêu đặt.

Có vật thể, nghĩa là năm ấm.

Có nêu đặt, nghĩa là nam, nữ v.v...

Chê bai khổ có hai thứ:

1. Chê bai vật thể.
2. Chê bai quả.

Nếu chê bai tập là chê bai vật thể, chê bai nhân.

Nếu chê bai diệt là chê bai vật thể, không chê bai quả.

Nếu chê bai đạo là chê bai vật thể, không chê bai nhân.

Hoặc có người nói: Cũng chê bai nhân.

Không mà tạo kiến chấp có, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có người nói: Nên lập ra thuyết như vậy: Nếu không mà tạo kiến chấp có, phải nói là thân kiến, do thấy khổ mà dứt.

Lại có người nói: Nên nói như thế: Không mà cho là có là tuệ. Vì sao? Vì đây chẳng phải tánh của kiến.

Lại có người nói: Nên lập ra thuyết như vậy: Đây chẳng phải kiến. Vì sao? Vì nơi năm kiến không nói đến, mà không nói thì người kia có ý gì?

Đáp: Vì ý muốn lập ra sự hỏi đáp. Như nói: Không mà tạo ra kiến chấp có, đó là kiến gì? Như vậy gọi là hỏi. Đó chẳng phải kiến. Đó gọi là đáp.

Tự có, dù không có việc này mà vẫn có hỏi, đáp. Như trong phẩm Mười môn nói về vị trí dục tri căn, tri căn, tri dĩ căn, pháp vô lậu, vô vi, cũng là hỏi. Có bao nhiêu sử sai khiến, đấy cũng là hỏi.

Đáp: Không bị sử sai khiến, đấy cũng là đáp. Như người kia dù không có việc này mà vẫn có hỏi, đáp. Đây cũng giống như thế, không có việc này mà vẫn lập ra hỏi đáp.

Hỏi: Không mà tạo kiến chấp có, đây là kiến gì?

Đáp: Đây chẳng phải kiến, mà là tà trí.

Hỏi: Tà trí là sao?

Đáp: Hoặc có người nói: Là pháp vô ký không ẩn mất do tư duy dứt. Ví như đang đi trên đường chánh mà khởi tưởng là đi trên đường lầm lạc. Như đang đi trên đường lầm lạc, mà khởi tưởng là đường chánh. Như người nam, khởi tưởng là nữ. Cô gái khởi tưởng là nam. Có những tưởng như thế v.v... gọi là tà trí.

Lại có người nói: Trí này cũng là vô ký có ẩn mất, đó là tương ứng với mạn. Như Phạm thiên kia đã nói rằng: Ta là Đại Phạm, tôn quý trong các Phạm thiên. Ta có thể tạo tác biến hóa... Đó là tà trí. Vì sao? Vì không có trụ nơi kiến đế, tâm đã dứt, lại có thể nói lên lời ấy.

Nên nói lời này: Như thuyết trước là tốt: Là pháp vô ký không ẩn mất, do tư duy dứt.

Hỏi: Nếu vậy thì trái với phần Kiến-độ Trí đã nói. Như nói: Thế nào là tà trí? Đó là tuệ nhiệm ô?

Đáp: Không trái với phần Kiến-độ Trí kia. Vì sao? Vì vô tri có hai thứ: Đó là thật nghĩa và giả danh. Thật nghĩa là tương ứng với sử vô minh, các A-la-hán đã dứt sạch. Giả danh nghĩa là như thoáng thấy gốc cây trụ cho là con người v.v..., các bậc A-la-hán, Bích-chi Phật cũng có. Chỉ có Như lai Đẳng chánh giác dứt trừ hết hai thứ này.

Có bốn điên đảo, đó là thường, lạc, tịnh, ngã. Vì bị pháp tương tự che lấp, nên không biết vô thường. Vì bị pháp oai nghi vừa ý che lấp, nên không biết là khổ. Vì bị da thịt che lấp, nên không biết bất tịnh. Và vì bị che lấp do việc mình đã làm, nên không biết vô ngã.

Hỏi: Tánh của bốn điên đảo này là gì?

Đáp: Là tánh của tuệ.

Hỏi: Nếu là tuệ thì trong năm kiến này, có bao nhiêu là điên đảo, bao nhiêu là không điên đảo?

Đáp: Có hai kiến rười là điên đảo, hai kiến rười chẳng phải điên đảo.

Hai kiến rười là điên đảo, đó là thân kiến, kiến thủ và thường kiến thuộc về biên kiến. Hai kiến rười chẳng phải điên đảo, đó là tà kiến, giới thủ và dứt kiến thuộc về biên kiến.

Hỏi: Vì sao hai kiến rười là điên đảo, còn hai kiến rười thì chẳng phải điên đảo?

Đáp: Vì ba việc, nên gọi là điên đảo:

1. Chuyển hành.

---

2. tăng ích.

3. Tánh điên đảo.

Tà kiến, dứt kiến dù là chuyển hành, tánh điên đảo, nhưng chẳng phải tăng ích. Vì sao? Vì là tánh của vật thể hư hoại. Giới thủ tuy là chuyển hành, dù là tánh tăng ích, nhưng chẳng phải điên đảo. Vì sao? Vì có một chút pháp tương tự, cũng nói là có đạo cõi Sắc, có thể lìa dục cõi Dục, có đạo cõi Vô sắc, có thể lìa dục cõi Sắc. Đó là tự thể của điên đảo, là ngã, là vật thể, là tướng, là phần, là tánh.

Đã nói về tự thể, nay sẽ nói về lý do. Hỏi: Vì nguyên do gì gọi là điên đảo?

Đáp: Vì điên đảo có đối tượng tăng nên gọi là điên đảo. Bốn điên đảo này chỉ do thấy khổ mà dứt. Vì sao? Vì chúng duyên theo khổ sinh, rồi trở lại do thấy khổ mà dứt.

Hơn nữa, điên đảo này duyên theo quả sinh, trở lại dùng tuệ của kiến quả dứt.

Lại nữa, thân kiến do thấy khổ mà dứt, tánh là điên đảo. Nếu thân kiến đã dứt thì khổ cũng dứt.

Lại nữa, khổ thô, nếu có kẻ ngộ nhận về khổ thô thì sẽ bị các Hiền Thánh quở trách. Ví như người nơi ban ngày có mặt trời mà đi lạc sẽ bị nhiều người quở trách. Ba đế thì vi tế, nếu có người ngộ nhận về khổ vi tế, thì sẽ không bị quở trách nặng. Ví như có kẻ lỡ đi lạc giữa ban đêm, thì người đời sẽ không quở trách nặng.

Hơn nữa, hành giả đã thấy khổ, không bao giờ có tâm điên đảo. Nếu đúng hành giả thấy khổ rồi mà không thấy tập, thì không có việc đó! Vì để phân biệt, nên giả thiết thấy khổ rồi, lại không kiến những đế còn lại. Nếu có kẻ hỏi người kia: Ấm này là thường hay là vô thường? Người kia nhất định đáp: Là vô thường, cho đến không có một sát-na dừng lại. Nếu hỏi: Là khổ hay là vui? Người kia nhất định đáp: Là khổ, cũng như hòn sắt nóng. Nếu hỏi: Là tịnh hay là bất tịnh? Người kia nhất định đáp: Là bất tịnh, như đồng phân. Nếu hỏi: Có ngã hay không có ngã? Người kia nhất định đáp: Không có ngã, vì không người tạo tác. Không có người tạo tác nên không có kẻ thọ nhận, như cỏ, cây, chổi quét, phân v.v...

